

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 26-9-2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Phi;
2. Bà Nguyễn Thị Thông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 286/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1987
HKTT: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương.
2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1984
HKTT: Ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn ngày 04/5/2017, bản tự khai ngày 04/5/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn (bà H) trình bày:*

Bà H và ông L chung sống với nhau vào năm 2012, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương ngày 28/12/2012.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, gây gổ, do bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng sống chung không còn tình cảm, không có hạnh phúc. Bà H và ông L đã không chung sống với nhau từ năm 2015 cho đến nay. Vì vậy, bà H làm đơn xin ly hôn với ông L.

- Con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 02/02/2013. Theo đơn khởi kiện bà H yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Nhưng tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa bà H thay đổi yêu cầu. Bà H đồng ý giao con chung cho ông L chăm sóc nuôi dưỡng vì hiện nay con chung đang sống với ông L và bà không cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà H không có yêu cầu, tranh chấp gì khác.

Đối với bị đơn:

Đối với bị đơn là ông L, trong quá trình thụ lý, thu thập chứng cứ, ông L không đến Tòa án làm việc mặc dù đã được tổng đạt, niêm yết các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông L không chấp hành, cũng không có bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình.

Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng và chứng cứ, tài liệu đã thu thập tại địa phương để bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát trình bày:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện ông Nguyễn Thanh L về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Tại biên bản xác minh ngày 09/5/2017 đối với phó trưởng công an xã B, huyện C thì ông L có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương. Như vậy vụ án thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại Điều a Khoản 1 Điều 35; Điều a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ cho bị đơn theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà H và ông L chung sống với nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương ngày 28/12/2012. Do đó, hôn nhân giữa bà H và ông L là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Bà H và ông L chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau nên bà H làm đơn xin ly hôn với ông L. Trước yêu cầu xin ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. Thế nhưng cuộc sống vợ chồng giữa bà H và ông L không đạt được những điều đó. Tòa án đã triệu tập ông L nhiều lần để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông L vẫn không có mặt. Điều này cho thấy ông L không còn thiết tha tình cảm vợ chồng. Hơn nữa, tại biên bản xác minh ngày 23/5/2017 và ngày 14/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng thể hiện: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà H và ông L là do tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi vã. Ngoài ra, mức thu nhập của hai vợ chồng thấp dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn nên phần nào cũng ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Bà H đã không còn chung sống với ông L từ năm 2016 cho đến nay.

[4] Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông L đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy bà H yêu cầu ly hôn với ông L là có cơ sở chấp nhận.

[5] Đối với con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 02/02/2013 bà H đồng ý giao con chung cho ông L chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bà H, đồng thời hiện nay cháu Y đang sống chung với ông L và tránh làm xáo trộn cuộc sống của trẻ chưa thành niên nên cần giao cho ông L nuôi con chung là phù hợp.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông L không có ý kiến hay yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[7] Tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[8] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[9] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 179, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 8, 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Nguyễn Thanh L về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Thanh L.

2. Về con chung: Giao cho ông Nguyễn Thanh L trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 02/02/2013. Bà Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con do ông L không yêu cầu.

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thanh L đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp nên không xem xét.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0005235 ngày 04 tháng 5 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/9/2017). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện C;
- UBND xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương.
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Thùy Linh

